

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220 kV
Thanh Hóa - Sầm Sơn của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn tại thành phố Sầm Sơn và các huyện: Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa;

Xét Văn bản số 11489/STNMT-BVMT ngày 11/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án “Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn” của Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1020/Tr-STNMT ngày 11/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thành phố Sầm Sơn và các

huyện: Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đầu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia thực hiện tại thành phố Sầm Sơn và các huyện: Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Sầm Sơn, Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa; Giám đốc Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã: Quảng Hùng, Quảng Giao và các xã có đường dây đi qua (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220kV Thanh
Hóa – Sầm Sơn của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220kV Thanh Hóa - Sầm Sơn.
- Địa điểm thực hiện: thành phố Sầm Sơn và các huyện Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án đầu tư: Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia.
- Người đại diện: Ông Phạm Lê Phú Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: 18 Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Trạm biến áp 220 kV Sầm Sơn được xây dựng tại xã Quảng Hùng, thành phố Sầm Sơn và xã Quảng Giao, huyện Quảng Xương, có tổng diện tích xây dựng là 52.397,89 m² (bao gồm trạm, đường vào và đường bê tông hoàn trả); có ranh giới tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc : giáp ruộng lúa.
- + Phía Nam : giáp ruộng lúa.
- + Phía Đông : đường tỉnh lộ 511.
- + Phía Tây : giáp ruộng lúa.

- Xây dựng mới tuyến đường dây 220kV, hai mạch, đấu nối từ cột công 220kV của TBA 500kV Thanh Hóa đến TBA 220kV Sầm Sơn xây dựng mới, dài khoảng 40,1km, bao gồm: 108 móng trụ và 108 cột trên địa phận thành phố Sầm Sơn và các huyện Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Tổng diện tích các loại đất ảnh hưởng bởi dự án:
 - + Diện tích thu hồi vĩnh viễn xây dựng trạm biến áp là 5,24 ha
 - + Diện tích thu hồi vĩnh viễn tại các vị trí móng trụ điện là 5,91 ha.
 - + Diện tích bị ảnh hưởng trong hành lang an toàn đường dây khoảng 98,35 ha.
 - + Diện tích ảnh hưởng tạm thời do thi công là 12,33 ha.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a) Các hạng mục công trình chính

Trạm biến áp 220kV Sầm Sơn:

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 220/110/22kV với qui mô 03 máy biến áp, công suất 3x250MVA, giai đoạn đầu lắp đặt 02 máy biến áp 220kV - 250MVA. Số ngăn lộ 220kV là 09 ngăn, gồm 4 ngăn chính thức và 5 ngăn dự phòng; số ngăn lộ phía 110kV là 23 ngăn, gồm 10 ngăn chính thức và 13 ngăn dự phòng.

- Các công trình xây dựng bao gồm: Nhà điều khiển; Nhà bảo vệ; Nhà chờ ca; Nhà trạm bơm; Đường vào trạm; Cổng bằng thép hình và thép tấm được sơn chống rỉ và sơn màu; Tường rào xây kín bằng gạch bê tông.

Đường dây đầu nối:

- Đường dây đầu nối được thiết kế 02 mạch 220kV (đối với đoạn tuyến G11-G12 (dài ~1,33km) dùng cột 4 mạch, gồm: 2 mạch 220kV và 2 mạch 110kV đi chung)...

- Lắp dựng tổng 108 cột trong đó 55 cột đỡ thẳng và 53 cột néo.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

Dự án bố trí 1 công trường thi công diện tích khoảng 3.501 m² thuộc đất lúa do hộ dân quản lý đặt trên đường DT517, gần vị trí giữa trụ G16C.HC-1 và G17C.HC tại xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

c) Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Thu gom nước mưa: bố trí các rãnh tạm thu gom và thoát nước mưa.

- Thu gom thoát nước thải thi công: Bố trí các rãnh thu nước và hố lắng tạm để thu toàn bộ lượng nước thừa vào hố lắng trước khi cho chảy vào nguồn tiếp nhận.

- Xử lý nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động có kích thước dài x rộng x cao = 950mm x 1.300mm x 2.500mm, dung tích bể chứa nước sạch là 500 lít, bể chứa chất thải là 1.000 lít.

- Bố trí 10 thùng rác chứa chất thải sinh hoạt

- Bố trí 02 thùng rác đựng chất thải rắn nguy hại, có nắp đậy.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1 Giai đoạn thi công

- Việc xây dựng Dự án phát sinh : Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung; chất thải xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; tác động đến giao thông, ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất, di dời nhà cửa phục vụ Dự án.

- Sự cố an toàn lao động, sự cố cháy nổ

2.2 Giai đoạn vận hành

- Điện từ trường xung quanh thiết bị truyền dẫn điện cao áp ảnh hưởng

đến sức khỏe người dân.

- Sự cố đổ trụ điện, đứt dây điện, sự cố điện giật, sự cố sét đánh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

a. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a.1 Trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lượng nước thải mỗi ngày là $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng: Tổng lưu lượng nước thải từ hồ móng, nước rửa xe để giảm bụi phát sinh khoảng $21,2 \text{ m}^3$. Loại nước này chủ yếu chứa thành phần chất rắn lơ lửng.

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án trong giai đoạn thi công, trong trường hợp mưa lớn nhất là $0,46 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

a.2 Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên bảo vệ tại trạm. Với lượng nước sinh hoạt $0,135 \text{ m}^3/\text{ngày}$ với thành phần chủ yếu là các cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

b.1 Trong giai đoạn xây dựng

- Bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu phát sinh từ hoạt động phát quang thực vật; hoạt động đào đắp; hoạt động bốc dỡ vật liệu xây dựng; hoạt động vận chuyển (bao gồm: vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị thi công); hoạt động tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công...

- Thành phần, tính chất: chủ yếu là bụi, một số khí thải khác như CO_2 , NO_2 , SO_2 ,...trong đó hàm lượng bụi phát sinh nhiều hơn so với các thông số còn lại. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của bụi, khí thải không lớn do có nhiều phương pháp có thể ngăn ngừa hạn chế quá trình phát sinh.

b.2 Trong giai đoạn vận hành

Khi đi vào vận hành, trạm biến áp và đường dây thực hiện truyền tải điện năng, không có các hoạt động phát sinh khí thải ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn

a.1 Trong giai đoạn xây dựng

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường bao gồm thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, bì nilong, giấy, bìa catton, vỏ hộp, ... với tổng lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 28 kg/ngày.

- *Chất thải rắn xây dựng thông thường:*

+ Chất thải từ quá trình dọn dẹp thảm thực vật ước tính lượng sinh khối thực vật cần phát quang khoảng 0,75kg/m²;

+ Chất thải từ giẻ lau sứ, thiết bị, dây dẫn hư hỏng với khối lượng khoảng 30-40 kg/toàn bộ thời gian thi công.

a.2 Trong giai đoạn vận hành

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên bảo vệ tại trạm biến áp bao gồm thức ăn thừa, vỏ chai nhựa, bì nilong, giấy, bìa catton, vỏ hộp, ... với tổng lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 1,2 kg/ngày.

- *Chất thải rắn xây dựng thông thường:*

+ Chất thải từ thực bì tĩa cây: ước tính khoảng 200kg/năm

+ Chất thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của trạm chủ yếu là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ hư hỏng trong quá trình hoạt động. Khối lượng khoảng 30-50kg/năm, chất thải từ giẻ lau sứ khoảng 10kg/tháng, thiết bị, dây dẫn hư hỏng với khối lượng phụ thuộc vào tuổi thọ vận hành của đường dây.

b. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

b.1 Trong giai đoạn xây dựng

+ Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh khối lượng khoảng 16 kg/ tháng. Thành phần bao gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì cứng (thùng...) thải bằng nhựa (đựng dầu nhớt, sơn), ...

+ Chất thải lỏng nguy hại: Hoạt động bảo dưỡng các phương tiện xe, máy móc thi công được nhà thầu thay dầu, bảo dưỡng đa phần tại các trung tâm sửa chữa trên địa bàn thực hiện dự án nên lượng dầu thải phát sinh tại dự án khoảng 15 kg/tháng.

b.2 Trong giai đoạn vận hành

+ Chất thải rắn nguy hại: Phát sinh khối lượng khoảng 15-25 kg/ tháng. Thành phần bao gồm: hộp mực in thải, bóng đèn thải, pin thải, giẻ lau dính dầu...

+ Chất thải lỏng nguy hại: dầu cách điện từ máy biến áp trong trường hợp sự cố.

3.3. Các tác động khác

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Tác động do, tiếng ồn, độ rung của các phương tiện cơ giới, hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở ảnh hưởng tới các hộ dân tiếp giáp gần khu vực dự án.

- Tác động do chiếm dụng đất lúa: Việc chiếm dụng đất nông nghiệp để làm công trình ảnh hưởng tới hộ dân bị mất đất canh tác.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; hư hỏng công trình giao thông,...

b. Trong giai đoạn vận hành

- Ảnh hưởng tới sức khỏe, điều kiện sinh hoạt của con người trong hành lang tiếp địa do điện từ trường, dòng cảm ứng, tiếng ồn từ hiện tượng phóng điện vàng quang.

- Ảnh hưởng do hạn chế khả năng sử dụng đất để đảm bảo an toàn điện theo

Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Tiếng ồn, độ rung của máy biến áp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1 Trong giai đoạn xây dựng

a. Nước thải sinh hoạt:

- Bố trí 01 nhà vệ sinh di động có kích thước dài x rộng x cao = 950mm x 1.300mm x 2.500mm, dung tích bể chứa nước sạch là 500 lít, bể chứa chất thải là 1.000 lít. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b. Nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng được thu gom theo rãnh thu nước chiều rộng x chiều sâu = 1,0 m x 1,0 m về hố lắng với dung tích 5- 8 m³; để loại bỏ chất rắn lơ lửng trước khi thải ra môi trường.

c. Nước mưa chảy tràn

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi,...

- Không tập kết vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại khu vực trũng, thấp hoặc gần các tuyến thoát nước mưa.

- Không để vật liệu độc hại ngoài trời, đồng thời quản lý dầu, mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

4.1.1.2 Trong giai đoạn vận hành

a. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bể tự hoại có dung tích hữu ích 6,5m³ (kích thước DxRxH là 6,8m x 1,8m x 1,5m), nước sau khi xử lý được lưu trữ tại bể chứa có dung tích 10m³. Khi bể chứa đầy thuê đơn vị đến hút và vận chuyển đi xử lý.

b. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa toàn trạm bao gồm hệ thống thoát nước cho mương cáp, thoát nước cho mặt bằng trạm. Giải pháp thoát nước cụ thể như sau:

- Hệ thống thoát nước mặt: khi có mưa, lượng nước mưa một phần tự thấm vào đất, một phần chảy tràn trên nền trạm, giữa các khu vực bị giới hạn bởi hệ thống mương cáp chạy xung quanh được thu gom vào các hố ga bố trí trong từng ngăn lộ trên sân trạm, phần còn lại chảy xuống đường trong trạm được thu gom vào các hố ga bố trí dọc đường. Các hố ga được kết nối bằng hệ thống ống BTCT ($\varnothing 200 \div \varnothing 400 \text{mm}$) đi ngầm để dẫn thoát nước ra hai mương thoát nước xây đá bên ngoài hàng rào trạm và theo hệ thống mương này thoát vào các mương thoát nước nội đồng hiện có.

- Hệ thống thoát nước mương cáp: mương cáp được thiết kế có đáy tạo dốc về phía đặt ống thu nước hoặc về các hố thu tại vị trí mương qua đường, tại đây bố trí ống HDPE để dẫn nước về các hố ga và dẫn thoát ra mương nước bên ngoài hàng rào trạm.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1 Trong giai đoạn xây dựng

- Dựng tường tôn ngăn bụi kết hợp bảo vệ công trường thi công
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.
- Đối với hoạt động đào đắp, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.
- Đối với việc lưu trữ vật liệu xây dựng: xi măng được tập kết và bảo quản tại kho chứa, cát được bảo quản ngoài trời có bạt che mưa và chống phát tán bụi, các loại đá, gạch,... ít phát sinh bụi được để ngoài trời, không cần che độ bảo quản;

- Thường xuyên phun nước dập bụi tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

4.1.2.2 Trong giai đoạn vận hành

Không phát sinh bụi, khí thải

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1 Trong giai đoạn xây dựng

a. Đối với CTR sinh hoạt:

- Trang bị thùng đựng rác dung tích 20lít/thùng/công trường sau đó chuyển đến thùng chứa rác sinh hoạt 100 lít;

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

b. Đối với CTR xây dựng:

- Không xả chất thải rắn xây dựng phát sinh ra khu vực xung quanh, hàng ngày tiến hành thu gom và tập trung tại vị trí qui định;

- Sắt, thép vụn, ... bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Lượng đất đào lên dư ở các móng trụ đường dây sẽ được tận dụng để đắp nền trạm biến áp để không phát sinh đất thừa do đào đắp.

4.2.1.2 Trong giai đoạn vận hành

a. Đối với CTR sinh hoạt:

- Trang bị thùng đựng rác dung tích 20lít/thùng/phòng ban tại trạm sau đó chuyển đến thùng chứa rác sinh hoạt 240 lít;

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt được đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

b. Đối với CTR sản xuất:

Chất thải rắn sản xuất được thu hồi về trụ sở văn phòng của Công ty Truyền tải điện 1 để thải bỏ, bảo trì, sửa chữa hoặc đấu thầu thanh lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

4.2.1 Trong giai đoạn xây dựng

- Tại mỗi vị trí tập kết (tại vị trí xây dựng trạm, móng trụ) trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ được trang bị 01 thùng chứa dầu mỡ thải và 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu.

- Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.2.2 Trong giai đoạn vận hành

- Tất cả chất thải nguy hại được lưu trữ có bao bì, thùng chứa có dán nhãn, có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được xây dựng trong khuôn viên trạm với diện tích khoảng 24 m² có mái che và tường chắn. Chất thải nguy hại sẽ được phân loại vào từng thùng khác nhau (5 thùng tương ứng 5 loại CTNH).

- Đối với dầu tràn khi xảy ra sự cố sẽ được thu gom về bể chứa dầu (dung tích hữu ích của bể là 90 m³) bằng hố thu dầu và ống thép ϕ 250. Xung quanh bể đỡ máy biến áp có xây dựng bờ bao bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 để tránh hiện tượng dầu tràn ra xung quanh.

Đơn vị vận hành phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công tác vận chuyển và xử lý được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần và khi có nhu cầu.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động khác

4.3.1 Trong giai đoạn xây dựng

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, các xe vận chuyển không được chạy quá tốc độ cho phép, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya (từ 21h đến 6h); bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, nhằm tránh cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố:

+ Sự cố tai nạn giao thông: lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực,...;

+ Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn, trang bị 10 bình bột PCCC tại khu lán trại tạm.

4.3.2 Trong giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng tránh điện từ trường: Tuân thủ nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện. Về hành lang bảo vệ an toàn trạm biến áp cần lắp đặt toàn bộ thiết bị, hạng mục của trạm tuân thủ đúng quy trình, quy phạm của Chính phủ, ngành điện, đảm bảo mức an toàn cao nhất; các máy móc, thiết bị tại trạm được đấu thầu và lựa chọn là thiết bị hiện đại, chất lượng tốt và đạt tiêu chuẩn quốc tế; bố trí thời gian làm việc theo ca tuân thủ quy định để hạn chế thời gian tiếp xúc; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho cán bộ; thực hiện bồi dưỡng chế độ độc hại cho công nhân viên; thực hiện giám sát định kỳ điện trường tại trạm và đường dây, trường hợp phát hiện vị trí có cường độ điện trường vượt mức cho phép, lập tức có biện pháp xử lý, tránh để nhân viên tiếp xúc trong thời gian dài.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Đảm bảo thiết kế, mua sắm vật tư, xây dựng và lắp đặt đường dây, máy biến áp theo đúng quy định; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn

môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

- Để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư đề xuất thực hiện giám sát điện trường:

Giám sát điện trường

- + Số lượng: 03;
- + Vị trí giám sát: Công trạm; nhà điều khiển; khu vực máy biến áp;
- + Tần suất: 12 tháng/lần;
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 25:2016/BYT;
- + Quy định tuân theo: Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 và Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.